

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	6 - 38
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 6 năm 2009 chuyển thành số 0900191660. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 12.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **1.924.844.130.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ CỦA CÔNG TY

- a. Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:
 - Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.
 - Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.
 - Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
 - Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 06 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

b. Trong kỳ Công ty đã thanh lý 02 công ty con, cụ thể:

- Theo hợp đồng số 02/HĐCP/CP-FJ ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn (3.899.000 cổ phần) cho Công ty Liên doanh Fuji – Alpha với giá 10.000 VND/CP.
- Theo các hợp đồng số 01/2012, 02/2012, 03/2012 ngày 19 tháng 01 năm 2012 và số 04/HĐCP/CP-DO ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam cho Công ty Cổ phần Alphanam Địa Ốc và các cá nhân với giá 10.000 VND/CP.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ kế toán và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên	
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Kim Yến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



BÙI HOÀNG TUẤN

Số: 402./2012/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam được lập ngày 20 tháng 8 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty đã thực hiện việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty tại ngày 26 tháng 6 năm 2012 (xem thuyết minh I.04a). Tuy nhiên, Công ty đang thực hiện hợp nhất kinh doanh theo số liệu trên sổ kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam mà chưa thực hiện xác định lại tài sản và nợ phải trả theo giá trị hợp lý tại ngày 26 tháng 6 năm 2012 để làm cơ sở hạch toán kế toán theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – “Hợp nhất kinh doanh”.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2012

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Giám đốc

Bùi Ngọc Vương

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: infohn@aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.487.502.624	251.006.864.771
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.423.667.934	30.488.099.713
1.	Tiền	111	V.01	1.423.667.934	9.488.099.713
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	21.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	14.756.308.134	3.684.250.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		14.756.308.134	4.867.094.286
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(1.182.844.286)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.218.527.029	178.934.480.310
1.	Phải thu khách hàng	131		45.325.978.332	66.489.821.872
2.	Trả trước cho người bán	132		13.001.018.922	9.540.765.397
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	91.264.524.277	112.155.368.515
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(6.372.994.502)	(9.251.475.474)
IV.	Hàng tồn kho	140		41.788.106.038	37.189.904.035
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	51.479.113.652	45.087.663.673
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.691.007.614)	(7.897.759.638)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.300.893.489	710.130.713
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.071.721	221.632.358
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		981.267.572	1.115.858
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	301.023.537
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	273.554.196	186.358.960

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.487.502.624	251.006.864.771
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.423.667.934	30.488.099.713
1.	Tiền	111	V.01	1.423.667.934	9.488.099.713
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	21.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	14.756.308.134	3.684.250.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		14.756.308.134	4.867.094.286
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(1.182.844.286)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.218.527.029	178.934.480.310
1.	Phải thu khách hàng	131		45.325.978.332	66.489.821.872
2.	Trả trước cho người bán	132		13.001.018.922	9.540.765.397
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	91.264.524.277	112.155.368.515
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(6.372.994.502)	(9.251.475.474)
IV.	Hàng tồn kho	140		41.788.106.038	37.189.904.035
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	51.479.113.652	45.087.663.673
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.691.007.614)	(7.897.759.638)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.300.893.489	710.130.713
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.071.721	221.632.358
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		981.267.572	1.115.858
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	301.023.537
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	273.554.196	186.358.960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.381.593.958.790	846.423.654.106
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		8.495.947.748	10.772.759.024
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.788.080.267	7.063.837.802
	- Nguyên giá	222		12.152.852.389	13.231.497.023
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.364.772.122)	(6.167.659.221)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	2.543.485.025	3.540.493.734
	- Nguyên giá	225		3.291.281.594	4.280.734.238
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(747.796.569)	(740.240.504)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	3.370.856	7.415.888
	- Nguyên giá	228		44.270.176	44.270.176
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.899.320)	(36.854.288)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	161.011.600	161.011.600
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	2.371.712.910.931	834.912.038.724
1.	Đầu tư vào công ty con	251		2.265.003.178.008	290.630.800.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		122.250.000.000	584.673.146.888
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		28.050.916.672	10.317.300.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(43.591.183.749)	(50.709.208.164)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.385.100.111	738.856.358
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.226.100.111	513.856.358
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		159.000.000	225.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.584.081.461.414	1.097.430.518.877

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		439.392.693.773	234.473.568.976
I.	Nợ ngắn hạn	310		402.743.312.273	196.233.720.585
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	365.478.222.706	119.060.380.867
2.	Phải trả người bán	312		20.452.569.331	23.232.801.855
3.	Người mua trả tiền trước	313		7.325.087.641	6.831.960.687
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	2.794.457.905	8.275.025.333
5.	Phải trả người lao động	315		131.641.725	114.881.536
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	33.346.537	2.036.962.690
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	5.812.467.968	35.966.189.157
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		715.518.460	715.518.460
II.	Nợ dài hạn	330		36.649.381.500	38.239.848.391
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		2.219.788.003	2.509.559.500
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	3.758.008.300	4.182.383.778
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.18	30.524.863.397	31.403.864.113
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		146.721.800	144.041.000
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.144.688.767.641	862.956.949.901
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.144.688.767.641	862.956.949.901
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	645.844.130.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(141.918)	3.448.247.352
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.721.683.671	3.721.683.671
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		141.967.275.888	135.787.068.878
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.584.081.461.414	1.097.430.518.877

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		284,02	1.246,08
	EUR		207,70	218,04
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng**Bùi Kim Yến**

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc**Bùi Hoàng Tuấn**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	108.530.335.884	163.882.380.757
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	7.446.704.274	17.666.475.718
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	101.083.631.610	146.215.905.039
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	100.825.397.894	134.530.160.126
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		258.233.716	11.685.744.913
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	8.411.928.026	20.370.583.928
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	825.680.206	57.020.721.182
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.176.325.860	9.754.381.684
8.	Chi phí bán hàng	24		1.666.861.822	16.707.549.345
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.416.750.727	5.906.824.831
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.760.868.987	(47.578.766.517)
11.	Thu nhập khác	31		1.849.695.689	74.124.057.395
12.	Chi phí khác	32		1.692.610.730	624.384.207
13.	Lợi nhuận khác	40		157.084.959	73.499.673.188
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.917.953.946	25.920.906.671
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	956.812.749	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	(879.000.716)	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.840.141.913	25.920.906.671
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			Không áp dụng	Không áp dụng

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		4.917.953.946	25.920.906.671
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		1.111.211.315	4.164.678.305
-	Các khoản dự phòng	03		(9.386.101.697)	31.738.170.706
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.413.519.766)	(14.302.579.250)
-	Chi phí lãi vay	06		8.176.325.860	9.754.381.684
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.594.130.342)	57.275.558.116
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		300.482.724.686	30.283.703.271
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(3.917.752.003)	3.982.188.450
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(294.785.574.809)	(19.986.345.498)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(315.364.475)	844.837.992
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(8.926.631.690)	(9.754.381.684)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(415.822.788)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		765.038.947	2.125.480.558
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(659.369.345)	(1.343.578.337)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.951.059.031)	63.011.640.080
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.545.425)	(1.652.311.147)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		518.000.000	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.330.000.000)	(28.630.311.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.179.100.000	217.386.689.249
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(276.502.459.000)	(261.741.920.105)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.160.894.286	101.520.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.101.312.948	14.302.579.250
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(263.886.697.191)	(60.233.753.753)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		373.246.514.355	140.254.162.467
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(126.504.289.654)	(150.740.032.840)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(968.758.340)	(189.013.180)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		245.773.466.361	(10.674.883.553)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(29.064.289.861)	(7.896.997.226)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.488.099.713	13.916.640.457
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(141.918)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.423.667.934	6.019.643.231

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ không phát sinh tại Công ty gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu vui chơi, giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); quản lý dự án; tư vấn về quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp;
- Quảng cáo;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách và đường bộ khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tổ chức các hoạt động của khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, chi tiết: Lập dự án đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất thiết bị điện và vật liệu điện;
- Sản xuất tủ bảng điện;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng;
- Nhận ủy thác đầu tư;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Sản xuất thiết bị và máy cơ khí, thủy lực;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên dùng;
- Xây lắp các công trình điện đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa composite;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng.

04. Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty

a. Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:

- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 06 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.

b. Trong kỳ Công ty đã thanh lý 02 công ty con, cụ thể:

- Theo hợp đồng số 02/HĐCP/CP-FJ ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn (3.899.000 cổ phần) cho Công ty Liên doanh Fuji – Alpha với giá 10.000 VND/CP.
- Theo các hợp đồng số 01/2012, 02/2012, 03/2012 ngày 19 tháng 1 năm 2012 và số 04/HĐCP/CP-DO ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam và các cá nhân với giá 10.000 VND/CP.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

Tại thời điểm cuối kỳ, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hàng tồn kho.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Máy móc thiết bị	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm
- Tài sản cố định khác	5 – 6 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp khoản đầu tư dài hạn mà tổ chức kinh tế do Công ty đầu tư bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư thì không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản tiền và công nợ ngắn hạn có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Chi phí tài chính khác: chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	30/6/2012	01/01/2012
- Tiền mặt	859.695.842	778.713.321
- Tiền gửi ngân hàng	558.608.093	8.618.528.740
- Tiền đang chuyển	5.363.999	90.857.652
Cộng	1.423.667.934	9.488.099.713

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	-	41.500	1.757.094.286
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	1.500	57.094.286
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	-	-	40.000	1.700.000.000
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)		14.756.308.134		3.110.000.000
+ Công ty CP đầu tư và PT Hạ tầng Vinaconex - Alphanam		-		3.110.000.000
+ Công ty Liên doanh Fuji Alpha		4.260.900.000		-
+ Công ty TNHH MTV Hanel		10.495.408.134		-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(1.182.844.286)
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn		-		(30.844.286)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát		-		(1.152.000.000)
Cộng		14.756.308.134		3.684.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	91.264.524.277	112.155.368.515
+ Công ty Cổ phần Phú Thái Holdings (a)	68.459.640.694	83.459.640.694
+ Công ty Cổ phần Động Lực (b)	10.460.000.000	10.460.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	-	10.296.095.278
+ Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	2.635.350.170	2.423.210.726
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	3.161.397.414
+ Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	836.726.472	866.726.472
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	-	1.140.000
+ Công ty Liên doanh Fuji Alpha	7.783.890.027	-
+ Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	159.230.995	235.018.628
+ Khác	929.685.919	1.252.139.303
Cộng	91.264.524.277	112.155.368.515

(a) Phải thu về tiền chuyển nhượng 3.402.000 cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn Phú Thái.

(b) Phải thu về tiền cho vay 10.460.000.000 VND (tương đương 500.000 USD). Theo hợp đồng cho vay thì sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty CP Động Lực trả bằng 500 m² thương phẩm sản phẩm căn hộ tại số 130 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Nếu sau 24 tháng kể từ ngày 14 tháng 2 năm 2011 mà Công ty Cổ phần Động Lực vẫn chưa giao 500 m² thương phẩm sản phẩm căn hộ nói trên thì phải chịu lãi vay.**04. Hàng tồn kho**

	30/6/2012	01/01/2012
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	20.994.451.726	20.526.590.978
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.774.019.478	151.025.352
- Thành phẩm	19.404.305.918	16.615.626.507
- Hàng hoá	8.265.908.293	7.753.992.599
- Hàng gửi đi bán	40.428.237	40.428.237
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	51.479.113.652	45.087.663.673

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	195.055.018
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	105.968.519
Cộng	-	301.023.537

06. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
- Tạm ứng của cán bộ công nhân viên	66.505.592	148.453.007
- Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	207.048.604	37.905.953
Cộng	273.554.196	186.358.960

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.494.192.232	4.357.188.392	5.060.256.672	319.859.727	13.231.497.023
- Mua trong kỳ	12.545.425	1.000.000	-	-	13.545.425
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng do sáp nhập	47.636.363	-	-	-	47.636.363
- Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	989.452.644	-	-	989.452.644
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.129.279.066)	-	-	(2.129.279.066)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.554.374.020	3.218.361.970	5.060.256.672	319.859.727	12.152.852.389
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.751.715.830	1.608.488.794	1.684.249.799	123.204.798	6.167.659.221
- Khấu hao trong kỳ	1.916.670	233.361.406	442.669.251	34.127.274	712.074.601
- Tăng do sáp nhập	30.035.365	-	-	-	30.035.365
- Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	387.535.617	-	-	387.535.617
- Thanh lý, nhượng bán	-	(932.532.682)	-	-	(932.532.682)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.783.667.865	1.296.853.135	2.126.919.050	157.332.072	6.364.772.122
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	742.476.402	2.748.699.598	3.376.006.873	196.654.929	7.063.837.802
2. Tại ngày cuối kỳ	770.706.155	1.921.508.835	2.933.337.622	162.527.655	5.788.080.267

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 3.341.909.758 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.280.734.238</i>	<i>4.280.734.238</i>
- Thuê tài chính trong kỳ		-
- Tăng khác	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(989.452.644)	(989.452.644)
- Giảm khác		-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>3.291.281.594</i>	<i>3.291.281.594</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>740.240.504</i>	<i>740.240.504</i>
- Khấu hao trong kỳ	395.091.682	395.091.682
- Tăng khác	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(387.535.617)	(387.535.617)
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>747.796.569</i>	<i>747.796.569</i>
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.540.493.734</i>	<i>3.540.493.734</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>2.543.485.025</i>	<i>2.543.485.025</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.280.734.238</i>	<i>4.280.734.238</i>
- Thuê tài chính trong kỳ		-
- Tăng khác	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(989.452.644)	(989.452.644)
- Giảm khác		-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>3.291.281.594</i>	<i>3.291.281.594</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>740.240.504</i>	<i>740.240.504</i>
- Khấu hao trong kỳ	395.091.682	395.091.682
- Tăng khác	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(387.535.617)	(387.535.617)
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>747.796.569</i>	<i>747.796.569</i>
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.540.493.734</i>	<i>3.540.493.734</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>2.543.485.025</i>	<i>2.543.485.025</i>

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	44.270.176	44.270.176
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	44.270.176	44.270.176
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	36.854.288	36.854.288
- Khấu hao trong kỳ	4.045.032	4.045.032
- Tăng do chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	40.899.320	40.899.320
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	7.415.888	7.415.888
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	3.370.856	3.370.856

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2012	01/01/2012
- Chi phí mua đất	-	-
- Đầu tư mua sắm máy móc	161.011.600	161.011.600
Cộng	161.011.600	161.011.600

11. Các khoản đầu tư tài chính

11.1. Đầu tư vào công ty con

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Alphanam Cơ Điện	6.120.000	61.200.000.000	6.120.000	61.200.000.000
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	12.300.000	123.000.000.000	12.300.000	123.000.000.000
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco (a)	17.243.198	210.494.776.008	-	-
- Công ty CP Alphanam Địa Ốc (b)	59.803.738	1.620.308.402.000	-	-
- Công ty CP Khu đô thị Hanel – Alphanam (c)	25.000.000	250.000.000.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam (d)	-	-	6.727.280	67.440.800.000
- Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn (e)	-	-	3.899.000	38.990.000.000
Cộng		2.265.003.178.008		290.630.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư của công ty con:

(a) Khoản đầu tư vào Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco tăng do:

- Mua trong kỳ 4.665.000 cổ phiếu với giá trị là 56.950.320.000 đồng.
- Chuyển từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sang 10.925.198 cổ phần tương ứng với 133.366.285.008 đồng.
- Sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam 1.653.000 cổ phần tương ứng với 20.178.171.000 đồng.

(b) Khoản đầu tư vào Công ty CP Địa Ốc Alphanam tăng do:

- Mua trong kỳ 5.030.883 cổ phiếu với giá trị là 145.895.607.000 đồng.
- Chuyển từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sang 15.691.616 cổ phần tương ứng với 341.056.861.880 đồng.
- Sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam 39.081.239 cổ phần tương ứng với 1.133.355.933.120 đồng.

Theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam Địa Ốc, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 trên Bảng cân đối kế toán là (7.050.237.017) đồng. Tuy nhiên, đây là khoản lỗ theo kế hoạch đã xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư nên không trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư tài chính này.

(c) Khoản đầu tư vào Công ty CP Khu đô thị Hanel – Alphanam tăng góp vốn.

(d) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn cho Công ty liên doanh - Alpha với giá 10.000 VND/CP.

(e) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam và các cá nhân khác với giá 10.000 VND/CP.

11.2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam (a)	-	-	15.691.616	341.056.861.880
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		110.250.000.000		110.250.000.000
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco (b)	-	-	10.925.198	133.366.285.008
- Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng (c)	1.200.000	12.000.000.000	-	-
Cộng		122.250.000.000		584.673.146.888

- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu của công ty liên doanh, liên kết:

(a) Cổ phiếu Công ty CP Địa Ốc Alphanam giảm trong kỳ do chuyển sang khoản đầu tư vào công ty con.

(b) Giảm do chuyển toàn bộ sang khoản đầu tư vào Công ty con.

(c) Tăng do chuyển từ khoản đầu tư dài hạn khác sang.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11.3. Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		28.050.916.672		10.317.300.000
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam (a)	-	-	167.930	1.679.300.000
+ Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng (b)	-	-	863.800	8.638.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên (c)	808.437	28.050.672.136	-	-
+ Công ty CP Xây dựng 565 (d)	26	244.536	-	-
Cộng		28.050.916.672		10.317.300.000

- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu:

(a) Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam:

- Mua trong kỳ 1.962.363 cổ phiếu với giá trị 19.623.630.000 đồng.
- Giảm trong kỳ do chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu với giá 10.000 VND/CP.

(b) Công ty Cổ phần Sao Đỏ:

- Mua trong kỳ 336.200 cổ phiếu với giá trị 3.362.000.000 đồng.
- Giảm do chuyển sang khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(c) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Minh Nguyên

- Tăng do:
 - + Mua trong kỳ 1.525.858 cổ phiếu với giá trị 52.993.469.424 đồng.
 - + Sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam 60.000 cổ phần tương ứng với 2.058.952.000 đồng.
- Giảm do chuyển nhượng 777.521 cổ phiếu với giá trị 27.001.749.288 đồng.

(d) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng 565 tăng do sáp nhập Sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

11.4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
- Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	-	(7.104.818.135)
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	(43.591.183.749)	(43.604.390.029)
Cộng	(43.591.183.749)	(50.709.208.164)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.226.100.111	513.856.358
Cộng	1.226.100.111	513.856.358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
- Vay ngắn hạn	363.962.239.000	114.946.500.079
+ Vay ngân hàng	333.188.939.000	79.890.200.079
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	36.890.639.000	32.615.223.283
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - CN Hà Nội	250.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	15.654.390.000
Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	46.298.300.000	31.620.586.796
+ Vay đối tượng khác	30.773.300.000	35.056.300.000
Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	9.600.000.000	11.000.000.000
Công ty CP Alphanam Miền Trung	-	12.426.400.000
Công ty CP Alphanam - Cienco 4	40.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	220.000.000	-
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	12.326.400.000	-
Bà Đỗ Thị Minh Anh	8.586.900.000	11.589.900.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.515.983.706	4.113.880.788
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.176.598.368	3.259.420.788
+ Nợ thuê tài chính	339.385.338	854.460.000
Cộng	365.478.222.706	119.060.380.867

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	6.352.426.996
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.775.396.517	1.893.605.324
- Thuế thu nhập cá nhân	19.061.388	28.993.013
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Cộng	2.794.457.905	8.275.025.333

15. Chi phí phải trả

	30/6/2012	01/01/2012
- Chi phí lãi vay	-	750.305.830
- Chi phí thưởng cho các đại lý	-	498.286.586
- Chi phí khác	33.346.537	788.370.274
Cộng	33.346.537	2.036.962.690

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
- Tài sản thừa chờ giải quyết	26.721.938	26.721.938
- Kinh phí công đoàn	267.455.991	273.547.390
- Bảo hiểm xã hội	-	69.058.800
- Bảo hiểm y tế	-	26.769.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	13.179.000
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.518.290.039	35.556.913.029
+ Công ty CP Alphanam Cơ Điện	-	4.000.000.000
+ Công ty CP Alphanam Miền Trung	-	1.402.155.708
+ Công ty CP Alphanam Sài Gòn	1.547.443.447	28.199.881.111
+ Chi nhánh Công ty Liên doanh Fuji - Alphanam	482.900.355	482.900.355
+ Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	185.000.000	185.000.000
+ Các đối tượng khác	3.302.946.237	1.286.975.855
Cộng	5.812.467.968	35.966.189.157

17. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
- Vay dài hạn	1.844.278.467	1.844.278.467
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.844.278.467	1.844.278.467
+ Trái phiếu phát hành	-	-
- Nợ dài hạn	1.913.729.833	2.338.105.311
+ Thuê tài chính	1 913 729 833	2.338.105.311
+ Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	3.758.008.300	4.182.383.778

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2012	01/01/2012
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	31.403.864.113	31.403.864.113
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(879.000.716)	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.524.863.397	31.403.864.113

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	438.203.940.000	181.796.010.000	4.284.528.914	1.615.000.000	61.090.451.305	686.989.930.219
Tăng vốn trong năm trước	207.640.190.000	-	-	-	-	207.640.190.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	78.909.984.915	78.909.984.915
Tăng khác	-	-	3.448.247.352	-	-	3.448.247.352
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	2.106.683.671	(4.213.367.342)	(2.106.683.671)
Giảm khác	-	(107.640.190.000)	(4.284.528.914)	-	-	(111.924.718.914)
Số dư cuối năm trước	645.844.130.000	74.155.820.000	3.448.247.352	3.721.683.671	135.787.068.878	862.956.949.901
Số dư đầu năm nay	1.279.000.000.000	-	-	-	-	1.279.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	4.840.141.913	4.840.141.913
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.340.065.097	1.340.065.097
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(3.448.389.270)	(3.448.389.270)	-	-	(3.448.389.270)
Số dư cuối kỳ	1.924.844.130.000	74.155.820.000	(141.918)	3.721.683.671	141.967.275.888	2.144.688.767.641

(*) Là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam sáp nhập vào Công ty Cổ phần Alphanam theo biên bản giao số liệu số 01.07/2012/ĐT-ALP ngày 26 tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2012	01/01/2012
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	645.844.130.000
Cộng	1.924.844.130.000	645.844.130.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	645.844.130.000	438.203.940.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	1.279.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	538.203.940.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2012	01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	64.584.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2012	01/01/2012
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.721.683.671	3.721.683.671
Cộng	3.721.683.671	3.721.683.671

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Doanh thu bán hàng hóa	104.422.053.233	114.701.256.598
- Doanh thu bán thành phẩm	4.108.282.651	49.181.124.159
Cộng	108.530.335.884	163.882.380.757

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Chiết khấu thương mại	1.553.100.137	13.011.356.985
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	5.893.604.137	4.655.118.733
Cộng	7.446.704.274	17.666.475.718

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	103.875.205.044	114.701.256.598
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	(2.791.573.434)	31.514.648.441
Cộng	101.083.631.610	146.215.905.039

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	100.293.191.904	102.560.560.165
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	(1.261.041.986)	31.969.599.961
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.793.247.976	-
Cộng	100.825.397.894	134.530.160.126

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	897.862.948	6.624.979.250
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200.000.000	7.677.600.000
- Lãi bán cổ phiếu	3.450.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.808.118	5.017.749.737
- Lãi bán hàng trả chậm	267.795.740	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.220	1.050.254.941
Cộng	8.411.928.026	20.370.583.928

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Lãi tiền vay	8.176.325.860	9.754.381.684
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	18.422.761	2.218.063.274
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	931.800.286	12.498.966.980
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	811.138.538
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(8.300.868.701)	-
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	31.738.170.706
Cộng	825.680.206	57.020.721.182

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	879.000.716	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	77.812.033	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	956.812.749	-

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(879.000.716)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(879.000.716)	-

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.686.696	20.349.642.701
- Chi phí nhân công	1.595.680.205	7.682.839.423
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.111.211.315	4.164.678.305
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.156.381.258	6.820.818.565
- Chi phí khác bằng tiền	1.710.645.751	5.699.620.401
Cộng	5.668.605.225	44.717.599.395

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2012**đến 30/6/2012**

- Đầu tư cho vay (*)	10.495.408.134
- Đầu tư tài chính dài hạn (*)	1.267.228.601.780
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	1.279.000.000.000
- Đầu tư góp vốn bằng bù trừ công nợ	233.916.267.424
- Chuyển nhượng khoản góp vốn vào công ty con, công ty liên kết bằng bù trừ công nợ	262.966.980.412
- Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	990.953.202

(*) Các khoản phát sinh tăng do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Từ 01/01/2012**đến 30/6/2012***Hội đồng quản trị*

Vay tiền	18.095.000.000
Trả tiền vay	18.095.000.000

Cá nhân có liên quan

Vay tiền	-
Trả tiền vay	3.003.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

30/6/2012

Hội đồng quản trị	-
Ban Tổng Giám đốc	-
Các cá nhân có liên quan	8.586.900 000
Cộng nợ phải trả	8.586.900 000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Từ 01/01/2012**đến 30/6/2012**

Tiền lương	690.000.000
Phụ cấp	-
Tiền thưởng	-
Cộng	690.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	Công ty con
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	Công ty con
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	Công ty con
Công ty CP Alphanam Địa Ốc	Công ty con
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư Alphanam	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT (đến ngày 26/6/2012 đã sáp nhập vào Công ty CP Alphanam)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty với các Công ty có liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND***Từ 01/01/2012****đến 30/6/2012****Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện**

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

44.910.800

Mua hàng và sử dụng dịch vụ

346.107.147

Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn

Bán hàng

16.763.640

Chiết khấu bán hàng

5.029.092

Hàng bán bị trả lại

3.039.907.825

Mua hàng và sử dụng dịch vụ

1.098.673.189

Chuyển nhượng 777.521 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên

27.001.749.288

Công ty Liên doanh Fuji - Alpha

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

303.000.000

Lãi vay phải thu

667.127.115

Chuyển nhượng 3.899.000 cổ phiếu của Công ty CP Alphanam Sài Gòn với giá 10.000 VND/CP

38.990.000.000

Cổ tức năm 2011

7.200.000.000

Cho vay

7.200.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam

Bán hàng

8.036.635

Mua hàng

1.243.358.877

Chi tiền cho vay

19.120.000.000

Phải thu lãi cho vay

5.353.162

Chuyển nhượng 1.973.812 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư XD Hà Tây với giá 32.234 VND/CP

63.622.780.624

Mua 3.112.419 cổ phiếu của Công ty CP Địa Ốc Alphanam với giá 29.000 VND/CP

90.260.151.000

Công ty Cổ phần Alphanam Địa Ốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	
Chi tiền cho vay		730.000.000
Lãi vay phải thu		32.139.444
Chuyển nhượng 6.403.700 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và PTHT Vinaconex-Alphanam với giá 10.000 VND/CP		64.037.000.000
Chuyển nhượng 2.915.150 cổ phiếu của Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn với giá 16.470 VND/CP		48.012.520.500
Chuyển nhượng 2.130.293 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và XD hạ tầng với giá 10.000 VND/CP		21.302.930.000
Mua 1.525.958 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên với giá 34.728 VND/CP		52.993.469.424
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
Bán hàng		5.642.734.207
Chiết khấu bán hàng		657.659.492
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		2.612.933.532
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên		
Cung cấp dịch vụ		120.000.000
Chi tiền cho vay		30.000.000
Sử dụng dịch vụ		485.084.158
Mua 336.200 cổ phiếu của Công ty CP Sao Đỏ		3.362.000.000
Mua 4.665.000 cổ phiếu của Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco		56.950.320.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Aphanam		
Cho mượn tiền		2.345.564.000
Mua 205.000 cổ phiếu của Công ty CP Địa Ốc Alphanam với giá 29.000 VND/CP		5.945.000.000
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	30/6/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	5.215.399.167	3.777.019.385
Phải thu khách hàng	79.606.690	501.022.865
Trả tiền trước cho người bán	5.135.792.477	3.275.996.520
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	2.095.829.428	5.756.820.032
Phải thu khách hàng	1.259.102.956	4.890.093.560
Phải thu khác	836.726.472	866.726.472
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	16.914.858.472	5.183.668.445
Phải thu khách hàng	4.870.968.445	5.183.668.445
Đầu tư ngắn hạn khác	4.260.000.000	
Phải thu khác	7.783.890.027	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	100.000.000	14.069.611.056
Đầu tư ngắn hạn khác	-	3.110.000.000
Phải thu khách hàng	100.000.000	690.515.778
Phải thu khác	-	10.269.095.278
Công ty CP Alphanam Địa Ốc	2.635.350.170	2.473.212.504

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Phải thu khách hàng	-	50.001.778
Phải thu khác	2.635.350.170	2.423.210.726
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	8.055.300.722	7.728.984.340
Phải thu khách hàng	8.055.300.722	7.686.676.940
Phải thu khác	-	42.307.400
Công ty CP Đầu tư Alphanam	-	34.074.355
Phải thu khách hàng	-	34.074.355
Cộng nợ phải thu	35.016.737.959	39.023.390.117
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	220.000.000	4.000.000.000
Vay ngắn hạn	220.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	6.083.507.524	31.764.265.260
Phải trả người bán	4.536.064.077	3.564.384.149
Phải trả khác	1.547.443.447	28.199.881.111
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	2.644.245.182	2.311.344.827
Phải trả người bán	2.161.344.827	2.311.344.827
Phải trả khác	482.900.355	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	1.650.000.000	-
Phải trả người bán	1.650.000.000	-
Phải trả khác	-	-
Công ty CP Alphanam Địa Ốc	71.711.071	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.711.071	-
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	7.201.863.243	5.048.826.008
Phải trả người bán	7.192.286.203	5.039.248.968
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.577.040	9.577.040
Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	405.315.587	55.820.613
Phải trả người bán	405.315.587	55.820.613
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	185.000.000	185.000.000
Phải trả khác	185.000.000	185.000.000
Cộng nợ phải trả	18.461.642.607	43.365.256.708

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**02. Điều chỉnh hồi tố*****Thuyết minh báo cáo tài chính***

Chỉ tiêu	Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 trước điều chỉnh		Số điều chỉnh		Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 sau điều chỉnh	
	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị
V.10b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh						
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	15.938.855	341.056.861.880	(247.239)	-	15.691.616	341.056.861.880

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: bán thành phẩm sơn (số lượng đã sản xuất từ những năm trước chưa bán hết);
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Đầu tư tài chính	Cộng
				Đơn vị tính: VND
Kỳ này				
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ và	(2.748.997.357)	104.957.380.201	7.287.176.791	109.495.559.636
Doanh thu tài chính				
Chi phí trực tiếp	532.205.990	100.293.191.904	(7.369.068.415)	93.456.329.479
Các chi phí phân bổ	396.218.561	10.780.232.446	101.910.163	11.278.361.170
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.677.421.908)	(6.116.044.149)	14.554.335.043	4.760.868.987
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	234.864.066	-	234.864.066
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	1.886.861.567	-	1.886.861.567
Số dư cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	27.098.091.979	79.751.601.545	2.475.808.099.956	2.582.657.793.480
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	1.423.667.934
Tổng tài sản	27.098.091.979	79.751.601.545	2.475.808.099.956	2.584.081.461.414
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		438.530.453.513	-	438.530.453.513
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	862.240.260
Tổng nợ phải trả	-	438.530.453.513	-	439.392.693.773

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.423.667.934	30.488.099.713	1.423.667.934	30.488.099.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	136.590.502.609	169.393.714.913	130.217.508.107	169.393.714.913
Đầu tư ngắn hạn (*)	14.756.308.134	4.867.094.286	14.756.308.134	3.684.250.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	28.050.916.672	10.317.300.000	28.050.916.672	10.317.300.000
Cộng	180.821.395.349	215.066.208.912	174.448.400.847	213.883.364.626
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ (*)	369.236.231.006	123.242.764.645	369.236.231.006	123.242.764.645
Phải trả cho người bán và phải trả khác (*)	28.484.825.302	61.708.550.512	28.484.825.302	61.708.550.512
Chi phí phải trả (*)	33.346.537	2.036.962.690	33.346.537	2.036.962.690
Cộng	397.754.402.845	186.988.277.847	397.754.402.845	186.988.277.847

(*) Giá trị hợp lý của khoản này được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin xác định giá trị hợp lý.

05. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn